

Từ Thực Dân Đến Cộng Sản Một kinh nghiệm lịch sử của Việt Nam

Hoàng Văn Chí

Bồi dưỡng – Bồi dưỡng lý luận, giải thích chính sách, xui nghe theo đường lối của Đảng.

Chương 7 – “Đấu chính trị”

Thà phụ người còn hơn để người phụ ta
(Phương châm xử thế của Tào Tháo trong *Tam quốc chí*)

Giữa lúc bàn dân thiên hạ đương thất điên bát đảo về thuế nông nghiệp và công thương nghiệp, hai thứ thuế mà dân chúng gọi là “thuế thất nghiệp” thì Việt cộng sửa soạn bí mật và bất thành linh phát động một chiến dịch đại quy mô chưa từng thấy trong lịch sử Việt Nam. Bắt đầu vào giữa tối 23 tháng Chạp Âm lịch, ngày lễ ông Táo lên châu trời, vào đầu tháng Hai Dương lịch năm 1953, cuộc khủng bố này có thể ví với cuộc tàn sát Saint Barthélémy trong lịch sử Pháp. Vì Việt cộng sửa soạn rất bí mật và phát động rất bất thành linh nên ngoài đảng viên cao cấp không một ai biết trước kể cả viên chức ngạch trung ương trong chính quyền kháng chiến. Vì cuộc khủng bố này có tính cách hoàn toàn chính trị, nên sau này được dân chúng mệnh danh là “Đấu chính trị”. Chữ đấu bắt nguồn từ danh từ “đấu tranh”, vì Việt cộng giải thích đây là một cuộc đấu tranh của dân chúng.

Hồi ấy máy bay Pháp thường oanh tạc ban ngày nên mọi cuộc họp đều triệu tập vào ban tối và đúng vào ban tối 23 tháng Chạp Âm lịch, 1954, tất cả các xã đều triệu tập nhân dân đến hội trường để bàn về thuế nông nghiệp và công thương nghiệp. Chương trình nghị sự chỉ có một câu: Tại sao nhiều người *ngoan cố* không chịu nộp thuế, hoặc không nộp đủ. Sự thực thì mọi người đều đã biết tại sao. Chỉ tại sau hai năm liền, giàu cũng như nghèo, không ai còn có thể chạy đâu ra tiền, thóc lúa, để tiếp tục đóng mãi hai thứ thuế “thất nghiệp” ấy được nữa. Nhưng cộng sản đặt ra câu hỏi, không phải vì muốn tìm hiểu sự thực, mà cốt để thực hiện một âm mưu không dính dáng gì đến thuế.

Trước giờ họp, trong hội trường đã có sẵn thùng, hèo, gậy, và nhiều dụng cụ tra tấn khác.

- Những người thiếu thuế không kể ít hay nhiều, đều bị bắt, điệu ra trước hội nghị và tra khảo không phải để biết tại sao không nộp được thuế, mà chỉ cần biết kẻ nào đã xúi giục không nộp thuế. Chủ tịch cuộc họp không hỏi lơ mơ “*ai xui mà không nộp thuế?*”, mà hỏi một cách rất rõ ràng “*có phải thằng Ất (hoặc thằng Giáp) xui mà không nộp thuế, phải không? Nói mau!*” Và tức khắc đánh đập, kim kẹp, tra tấn cho đến lúc nạn nhân chịu không nổi, đuối sức, chỉ khẽ gật đầu. Nếu không gật đầu, nạn nhân có thể bị tra tấn suốt đêm cho đến chết. Hễ nạn nhân gật đầu, tỏ ý là Giáp hoặc Ất nào đó quả có xui không nộp thuế thì những người này bị bắt tức khắc. Sự thực thì những người này đã được Việt cộng ghi tên trong sổ đen; chủ tịch buổi họp chỉ việc lần lượt chọn từng tên một rồi tra tấn những người thiếu thuế bắt phải khai đúng tên những người trong sổ, để sẵn trước mặt. Một khi người thiếu thuế đã khai đúng như ý muốn của cộng sản thì tức khắc được tha về, không cần hỏi đến nữa.
- Những người bị khai – nói đúng hơn là bị buộc vào tội *xui không nộp thuế* – bị tra tấn một mức độ gắt hơn và phải trả lời hai câu hỏi: *Mày ở trong tổ chức phản động nào? Và: Trong tổ chức phản động của mày có thằng... (Bính, Đình) không?* Về câu hỏi thứ nhất thì người bị tra có thể bịa ra bất cứ đảng phái nào, khai là đảng hươu đảng vượn gì cũng được. Có người tự nhận là đảng Bảo Đại, đảng Việt gian, và có một nông dân cuống quá, nghĩ không ra đảng, khai ngay “Đảng Cộng sản” vì từ bé anh ta chỉ nghe nói lơ mơ có Đảng Cộng sản không rõ là *cách mạng hay phản động*. Về câu hỏi thứ hai thì người bị tra không được phép khai lung tung, phải khai đúng tên mà chủ tịch hội nghị đã mớm cho. (Tuy nhiên đây chỉ là quang cảnh trong những ngày đầu, sau này sẽ có nhiều sai lạc mà chúng tôi sẽ trình bày ở đoạn sau).

Tất cả những người “phản động” có tên trong sổ đen lần lượt “bị khai”, bị bắt và tra tấn. Họ thuộc đủ thành phần, không cứ giàu nghèo, và sự thực thì cũng không phải là “phản động”. Nói cho đúng thì phần đông là

những người có thái độ lừng chừng, vì những người thật sự chống đối với Việt cộng thì, hồi năm 1953, hoặc đã bị tiêu diệt, hoặc đã bỏ chạy vào vùng Pháp chiếm đóng. Đối với cộng sản thì lừng chừng cũng nặng tội như phản động. Bài thơ sau đây của Xuân Diệu, nhà thơ bồi bút của cộng sản chứng tỏ điều đó.

*Anh em ơi, quyết chung lưng đấu cật.
Đấu tranh tiêu diệt tàn hung tử thù
Địa hào, đối lập ra tro
Lưng chừng, phản động đến giờ tan xương*

Tất nhiên khi thảo mấy vần thơ trên, không phải là “nàng thơ” đã gợi ý cho Xuân Diệu, mà chính là Đảng đã ra lệnh, vì Đảng quyết tâm đánh tan xương những phần tử phản động hoặc lừng chừng không chịu theo giặc mà cũng không tích cực theo Đảng. Quả thực là nhiều người đã bị tan xương, đúng như lời của nhà thơ Xuân Diệu, vì hài cốt họ không còn nguyên vẹn sau khi bị đánh chết. Nói về lối tra tấn thì thường có mấy phương pháp điển hình, xã nào cũng áp dụng. Đại để như sau:

- Nạn nhân phải quỳ, hai tay giơ lên đỡ một thùng đá nặng đặt ngay trên đầu.
- Nạn nhân bị treo hai chân, hoặc hai tay vào một sợi thừng vắt qua xà nhà. Một lúc lại kéo lên, kéo xuống, vừa đánh vừa hỏi, thỉnh thoảng buông rơi “cái bịch” xuống đất.
- Quấn giẻ tẩm dầu vào hai ngón tay cái và đốt.

Vì mấy hình thức tra tấn này được áp dụng trong toàn thể vùng Việt Minh kiểm soát, nên dư luận ngờ rằng Đảng đã quy định như vậy. Có người nói rằng những cực hình này đã áp dụng trong các cuộc đấu tố bên Trung Quốc và do các cố vấn Trung cộng nhập cảng vào Việt Nam.

Trên đây chỉ là những kiểu tra tấn “phổ thông” khắp mọi xã, nhưng cũng có nhiều xã áp dụng những kiểu tra tấn “đặc biệt” do sáng kiến địa phương nghĩ ra. Ở một làng nọ, nạn nhân bị bỏ vào rọ dim xuống nước một vài phút, lôi lên để hỏi, chưa chịu nhận tội, lại dim nữa cho kỳ nhận mới thôi. Ở một làng khác, cán bộ mượn một cái “ê-tô” của một hiệu chữa xe đạp, kẹp ngón tay người bị tra vào giữa hai má ê-tô, và cứ hỏi một câu mà chưa chịu trả lời lại quay một vòng.

Điều đáng chú ý là đảng viên và cán bộ Đảng không trực tiếp nhúng tay vào các vụ tra tấn này. Họ giao công việc cho “cốt cán”, vì cốt cán không phải là người của Đảng và Chính phủ. Như vậy là cốt đề sau này, Đảng có thể ngang nhiên phủ nhận mọi trách nhiệm và, hơn nữa, đổ hết cả tội lỗi vào đầu nhân dân.

Câu chuyện sau đây có giá trị điển hình về thái độ kể trên:

Một cô giáo “cấp 1” ra cho trẻ em trong lớp một bài luận, đề như sau: “Các em hãy tả một “đấu” trong xã các em. Lũ trẻ em cứ thực tình tả nào là bắt người, đánh, trói và tra tấn, và không quên kết luận bằng những câu ca tụng đường lối sáng suốt đúng đắn của Đảng và của “Bác Hồ”. Nhưng mấy ngày sau Đảng đã chính thức tuyên bố là Đảng không dính dáng đến những vụ tra tấn này và đây chỉ là “nhân dân tự động đấu tranh chống phản động”. Vì Đảng đã phủ nhận vai trò của mình, nên hôm trả bài, cô giáo phải làm bộ phê bình học sinh là tả không đúng sự thực. Cả lớp bị mắng là “nói điều” đã ráng gân cổ cãi lại cô giáo, nói chúng đã trông thấy tận mắt và một vài em lại kể rành mạch là đã thấy cán bộ chặt tre làm gậy và mang thừng chảo đến hội trường từ buổi chiều, trước khi triệu tập cuộc họp.

Vụ “đấu” này kéo dài nửa tháng và đêm nào, làng nào cũng có người bị đánh chết. Bắt đầu đêm hôm 23 tháng Chạp, nghĩa là một tuần trước Tết, vào giữa lúc thiên hạ đương lo cúng ông bà ông vải và đón mừng năm mới. Vì vậy nên mọi cuộc sửa soạn đều bị bỏ dở, và nhà nào nhà nấy im hơi lặng tiếng, tối đến cũng không dám thắp đèn. Có người nhận xét, súc vật thấy người sợ cũng sợ lây; gà không gáy chó không sủa.

Trong mấy ngày đầu, mọi việc đều tuân tự như tiến, theo đúng kế hoạch của Đảng đã vạch sẵn, những người có tên trong sổ đen đều lần lượt bị “khai” và tra tấn. Nhưng một khi phong trào đã được “đẩy mạnh”, cán bộ trở thành say sưa với quyền sinh quyền sát nên coi nhẹ cuốn sổ đen, vì vậy nên hễ khai ai bắt nấy, đưa đến tình trạng bất cứ ai cũng có thể bị bắt và bị tra tấn. Đảng không kìm hãm nổi và khắp mọi nơi cuộc khủng bố trở thành “lung tung”. Những giới hạn mà Đảng đã quy định trở thành vô giá trị và khắp nơi khắp chốn chỉ nghe nói đánh đập, tra tấn, chết chóc. Sở dĩ phong trào trở nên hỗn loạn là tại hai nguyên nhân sau:

1. Theo lời Đảng dặn, cán bộ giao việc đánh đập, tra tấn cho cốt cán. Nhưng trong mỗi xã chỉ có một số ít cốt cán, mà nhiều người trong bọn họ ngần ngại không muốn thẳng tay đánh đập bà con trong thôn

xóm, đôi khi là anh em, chú bác, cô dì. Hơn nữa đánh lăm cũng mỗi tay, nên cốt cán phải tuyển mộ người khác giúp bớt phần việc. Nhưng trong xã hội Việt Nam tìm được những người tình nguyện làm những việc ác đức này không phải là chuyện dễ, nên rất cuộc, những người sẵn sàng tiếp tay cho cốt cán đều là những lưu manh vô lại trong nông thôn. Vì là lưu manh nên phần đông có “thành tích bất hảo”, hoặc đã trốn “dân công”¹ hoặc đã ăn trộm lúa kho hoặc có phạm một tội nào tương tự mà chính quyền chưa hỏi đến. Bây giờ “cờ đã đến tay” nên chúng ra sức “phất” rất mạnh, đánh đập bất cứ ai để ra oai với nhân dân và để chuộc tội với Đảng. Bỗng nhiên đương “thằng” trở thành “ông” chúng ra tay đánh đập “phản động” để không còn ai có thể quy chúng là phản động được nữa. Đánh phản động tàn nhẫn như vậy, tất nhiên là căm thù với phản động, và không phải là phản động. Hồi mấy “thằng” lưu manh trở thành “ông” có người đặt mấy câu về như sau:

*Trời làm một hội lằng nhằng
Thằng hoá ra ông, ông hoá ra thằng.
Trời làm một hội lông nhông.
Ông hoá ra thằng, thằng hoá ra ông.*

Tình trạng trở nên hoàn toàn hỗn loạn vì bất cứ nạn nhân khai ra ai chúng cũng bắt đánh. Chúng chỉ cần đánh để lấy lòng Đảng và “lấy le” với nhân dân, làm cho mọi người sợ chúng, không dám khai ra chúng. Vì thất học nên chúng chẳng hiểu “tư bản”, “đế quốc” là gì, và đối với chúng, mọi người lương thiện thường khinh rẻ chúng đều có thể coi là “phản động” cả.

2. Nguyên nhân thứ hai chỉ là hậu quả của nguyên nhân thứ nhất. Trong thời kỳ đầu người bị tra không phải tốn công nghĩ ra tên người khác để khai là đồng đảng vì hồi ấy cốt cán còn lãnh đạo công việc tra tấn nên lúc nào cũng sẵn sàng “mớm” tên cho mà khai. Trái lại đến lúc lưu manh xông ra đánh đập thì không còn ai lưu ý đến sổ đen và bất cứ ai bị “khai” cũng bị đòn như mọi người. Mọi người đều nhận thấy hai điều: khai sớm càng đỡ đòn và khai ra bất cứ ai cũng được. Không ai bảo ai, mọi người đều tự đặt câu hỏi: “*Nếu đêm nay mình bị đánh thì nên khai ra ai, cho đỡ bị ăn đòn?*”. Có người lý luận rằng muốn cho Đảng chóng đình chỉ cuộc “đấu” thì nên lợi dụng tình trạng, khai ngay cán bộ hoặc bà con thân thích của cán bộ và đảng viên. **Quả nhiên những đảng viên bị khai cũng bị bắt và tra tấn như các “phản động thường”**. Các chi bộ cộng sản không thể can thiệp vì khẩu hiệu Đảng đã nêu ra là: Phóng tay phát động quần chúng đấu tranh chống phản động. Đảng cũng ra lệnh cấm không một cá nhân nào hoặc một cấp nào được phép can thiệp. **Thế là đảng viên trở thành nạn nhân, đúng câu thành ngữ Việt Nam “âm binh quật lại phù thủy”**.

Trong một cuộc “đấu” người ta bị tra hoàng quá, mất hết tinh thần. Khi bị hỏi “*Trong tổ chức phản động của mày có những ai?*” **Giơ tay chỉ ngay ông chủ toạ phiên họp. Ông chủ toạ bị lôi xuống và bị đánh tức khắc**. Sau đó hội nghị tạm ngưng vì không ai nhận làm chủ toạ buổi họp.

Đến ngày thứ 15 thì Đảng nhận thấy tình hình trở lên quá nghiêm trọng và điện từ trung ương về các tỉnh ra lệnh đình chỉ ngay tức khắc. Nhưng điện văn cũng nói rõ phải giam giữ những người mà “quần chúng sáng suốt” đã tố cáo là “phản động”.

Lệnh giam giữ những nạn nhân của cuộc “đấu” chứng tỏ Đảng đã có dụng tâm từ trước. Đảng muốn tạm thời gạt bỏ ra ngoài xã hội những phần tử mà Đảng ngờ có thể chống đối chính sách sau này của Đảng: chính sách Cải cách ruộng đất. Quả thực, những người bị khai là phản động bị giam trong các trại tập trung mãi đến phong trào Sửa sai, năm 1956 mới được tha.

Trong vụ “Đấu chính trị” trung bình mỗi xã có từ ba đến năm người bị đánh chết, hoặc vì uất ức phải tự tử **trong số có một bộ trưởng chính phủ là ông Đặng Văn Hướng**. Ông Đặng Văn Hướng nghỉ phép về thăm nhà thì gặp phải vụ “đấu”. Vì “bụt chùa nhà không thiêng” nên cán bộ xã không nhận thấy ông là “bộ trưởng” chỉ thấy ông là “một tên phản động” nên mang ra “đấu”. Trong khi ấy thì từ ông Hồ cho đến các bộ trưởng khác không ai đoái hoài đến số phận của ông. Ông không bị đánh chết nhưng ông anh ruột bị, và sau đó cả **hai ông bà thất cổ tự tử**. Việc đáng chú ý là ông Hướng lại là thân phụ của đại tá Đặng Văn Việt nổi tiếng là “anh hùng đường số 4” vì mấy năm trước đại tá Việt đã chiến thắng quân đội Pháp trong trận Cao Bằng – Lạng Sơn.

Trong khi cuộc “đấu” diễn ra ở khắp thôn xã thì ở các thị trấn cũng có “đấu” nhưng với hình thức nhẹ hơn. Lý do là vì những người buôn bán ở các thị trấn mới thành lập là người tứ xứ, không quen biết nhau nên không có hận thù. Những thị trấn này chỉ là những chỗ buôn bán nhỏ, vì những thành phố lớn đã bị cộng sản phá trụi, theo chính sách tiêu thổ kháng chiến chống Pháp. Việt cộng lấy cớ là phá huỷ thành phố để không cho Pháp chiếm đóng và lập căn cứ nhưng chủ tâm của Việt cộng là muốn phá sản giai cấp “tư sản thành thị” mà cộng sản coi là khó cai trị. Chủ nhân là những người trước kia sinh nhai ở thành phố, nay mất hết cơ nghiệp phải tản cư về thôn quê, nhưng không làm ruộng quen nên phải dựng lên một túp lều nhỏ để buôn bán chút đỉnh, một vài thứ hàng lặt vặt, mong qua ngày đoạn tháng.

Nói chung thì dân thôn quê phải mất một tuần mới vỡ lẽ là ngày càng nhận tội sớm bao nhiêu thì càng đỡ đòn bấy nhiêu. Trái lại, dân thành thị vì “láu” hơn, nên ngay buổi đầu họ đã tìm ra mánh lới này. Vì vậy nên ở các thị trấn có nhiều người chưa bị một cái bạt tai đã vội vàng quỳ gối thú tội vanh vách, nhưng họ cũng được may mắn là những “tội” họ buộc lẫn nhau đều là những tội không lấy gì làm “phản động” lắm. Vì thiếu “phản động” nên chi bộ Đảng ở các thị trấn không thể “đào” đâu cho đủ “phản động” để kéo dài cuộc “đấu” cho trọn hai tuần. Kết quả là cuộc lung bắt “phản động” trở thành cuộc truy nã những kẻ ưa dùng xa xỉ phẩm, hàng ngoại. Ăn mặc tươm tất, hoặc dùng sáp bôi đầu chẳng hạn, cũng bị quy là “trọng tội”. Cán bộ đón các đầu đường, hễ người thấy mùi sáp thơm là bắt phải gọi ngay tại chỗ, bằng nước rửa bát để sẵn gần đấy. Nhiều anh trông thấy quang cảnh như vậy, vội vàng “xung phong” xin gọi đầu bằng nước rửa bát ngay để tránh khỏi bị đòn. Nhiều người ưa ăn sang mặc đẹp như mấy bà vợ bác sĩ (Bác sĩ Nguyễn Bát Can, trước kia là Dr. Pascal Nguyễn) cũng bị mang ra “đấu” và hưởng mấy bạt tai.

Cuộc đấu ở nông thôn và ở thành thị phát triển theo hai hướng trái ngược nhau. Trong khi ở nông thôn, cuộc khủng bố cứ mỗi ngày một kịch liệt hơn cho đến khi tình trạng trở thành hoàn toàn hỗn loạn, thì ở thành phố chẳng mấy chốc cuộc “đấu tranh phản động” biến thành một chiến dịch vớ vẩn là “đấu tranh chống lề lối sinh hoạt tiểu tư sản”. Nhận thấy như vậy nên thực tế đã có người nhanh chân bỏ nông thôn chạy vội ra thành phố náu ẩn. Cũng vì ở thành phố thường ít tính chất bạo động hơn ở nông thôn, nên dưới chế độ cộng sản, dân chúng luôn luôn tìm cách “chuồn” ra thành phố và do đó chúng ta thường thấy chính quyền cộng sản ở Bắc Việt và ở Trung cộng chẳng hạn, thỉnh thoảng lại “giải về nguyên quán” những người tản cư trái phép từ nông thôn ra thành thị.

Sau cuộc “Đấu chính trị”, ông Hồ có viết một bức thư “xin lỗi đồng bào” gửi cho tất cả các xã và mọi người đều phải học tập. Trong thư, ông nhận chính phủ và Đảng đã thiếu sót trong việc lãnh đạo khiến nhiều nơi quần chúng đã khinh thường luật pháp, có nhiều hành động trái với chủ trương nhân đạo và khoan hồng của chính phủ và Đảng. Cán bộ kể chuyện cho dân chúng nghe là khi viết bức thư “xin lỗi đồng bào” ông Hồ bực quá, chấy nước mắt. Có lẽ câu chuyện không đến nỗi hoàn toàn bịa đặt vì mọi người đều biết ông Hồ đóng trò rất tài tình, muốn cười, muốn khóc và ngay cả muốn hôn lúc nào cũng được. **Hội viếng thăm Ấn Độ và Indonesia, những nơi mà nam nữ còn đương “thụ thụ bất thân”, ông Hồ cứ tự nhiên ôm các bà các cô hôn đại. Vì vậy nên năm 1959, báo chí Djakarta tặng ông biệt hiệu “Vị chủ tịch thích hôn” (President Pentjium).**

Sau khi xin lỗi đồng bào, ông Hồ ra lệnh cho các Ủy ban xã báo cáo lên cấp trên những vụ quá đáng. Đồng thời các Ủy ban cũng phải lập danh sách những người sáng suốt đã nhận thấy những điểm sai trong chiến dịch và đã cố gắng ngăn cản. Có nhiều người, phần đông là Đảng viên cấp dưới, quả thực đã xa lánh phong trào, và có một số đã chạy lên huyện lên tỉnh, tìm cách cứu gỡ cho thân nhân. Sau khi lập thành danh sách đưa lên tỉnh, những người này được tỉnh uỷ mời lên để ban khen, nhưng lên đến nơi họ được tổng đi các trại “quản huấn” để vừa lao động vừa học tập những nguyên tắc bất khả sai lạc của chủ nghĩa Mác-xít Lê-nin-nít. Mãi ba năm sau, nhân dịp chiến dịch Sửa sai, tiếp sau chiến dịch Cải cách ruộng đất họ mới được tha về. Đây là một thí dụ điển hình chứng tỏ chủ trương của Đảng là bắt nhốt ngay cả những đảng viên mặc dầu trung thành với Đảng, nhưng không tán thành chính sách khủng bố của Đảng.

Một tháng sau khi ông Hồ đã khóc và xin lỗi đồng bào thì những cán bộ đã phát động chiến dịch ở Bắc Việt lên đường vào khu V (miền Nam Trung Việt) để phát động một phong trào in hệt. **Đi theo bon ho vẫn có mấy cố vấn Trung Quốc ở Hồ Nam.**

Ảnh hưởng trực tiếp của cuộc “đấu sơ bộ” này là tất cả các thành phần trong nhân dân đều sợ oai của Đảng. Sự thực, trước cuộc “đấu” Đảng đã mất rất nhiều uy tín. Nhiều nông dân bị bom đạn của Pháp tiêu huỷ nhà

cửa đã ngang nhiên oán trách “cụ Hồ”, và hàng ngàn dân công gánh gạo tiếp tế bộ đội đã làm reo bỏ về, quảng gạo ra hai bên đường. Hội Đảng còn rút lui vào bóng tối sau khi tuyên bố tự giải tán, dân quân một xã nọ đã vây bắt một chi bộ cộng sản đang hội họp, lấy cớ là hội họp trái phép.

Sau chiến dịch khủng bố, tình trạng thay đổi hẳn. Không những không ai dám từ chối không đi dân công, mà trái lại, hàng ngàn người xung phong đi ngay. Thuế khoá cũng chỉ thu trong vài giờ là xong ngay. Nhiều người nhận thấy như vậy cho rằng Đảng đã áp dụng chính sách khủng bố để thu thuế cho nhanh và bắt dân công cho dễ. Nhưng thực ra như chúng tôi sẽ trình bày về sau, cộng sản phát động chiến dịch khủng bố với hai mục đích khác.

- Một mục đích dài hạn là dọn đường cho chiến dịch Cải cách ruộng đất sắp tới và một mục đích tức thời là **thị uy với toàn thể nhân dân**, không kể giàu nghèo và thanh trừng những phần tử mặc dầu tham gia kháng chiến chống Pháp, nhưng tình nghi là không chấp nhận chế độ cộng sản. Cuộc “đấu chính trị” do Trung ương Đảng phát động, kéo dài trong nửa tháng, gây không biết bao nhiêu tang tóc, nhưng sau khi ông Hồ đã viết thư “xin lỗi đồng bào” thì tình hình ở nông thôn lại tương đối được ổn định. Những người chạy trốn ra thành phố lần lượt trở về làng. Cán bộ làm ngơ không hỏi tới và để yên cho tự do sinh hoạt trong khoảng vài tháng.
- Nhưng “đấu” rồi, Đảng còn một công tác khác cần phải làm. Tức là chứng tỏ trước nhân dân là dù sao lời dạy của Bác Mao vẫn đúng. Bác Mao đã nói: “Quần chúng bao giờ cũng sáng suốt” và “Nông dân có thể lãnh đạo được cách mạng vô sản”.

Nhưng cuộc “Đấu chính trị” quả đã gây nên nhiều ảnh hưởng tai hại. Nhiều người trước kia nhiệt liệt ủng hộ cộng sản, nay bỗng nhiên hết tin tưởng. Họ nhận thấy ông Hồ quá lệ thuộc vào ông Mao đã nhập cảng vào Việt Nam nhiều hành động dã man mà từ ngàn xưa sử sách Việt Nam chưa từng chép, và hiện nay không một dân tộc văn minh nào có thể dung thứ được. Họ cũng nhận định là cộng sản, mặc dầu đã nắm trọn quyền trong tay mà còn dùng mách lới “phát động quần chúng” để trừng trị đối phương thì thể tất sau này không bao giờ cộng sản có thể áp dụng những biện pháp công bằng và nhân đạo để trị dân. Những người còn giữ được lý trí – mà thực sự thì nhiều người đã mất vì “học tập chính trị” quá nhiều – bắt đầu so sánh chế độ cộng sản với chế độ thực dân ngày xưa. **Họ công nhận dưới chế độ thực dân tuy không có công bằng và tự do nhưng ít ra cũng có một hình thức pháp lý nào đó. Chính quyền thuộc địa cũng giết, nhưng giết bằng máy chém, không giết bằng “phát động quần chúng”.**

Ngay những đảng viên trung thành cũng bắt đầu ngờ vực khả năng lãnh đạo của nông dân. Họ tự hỏi nếu gây căm thù rồi “phóng tay phát động nông dân” thì liệu nông dân sẽ đưa cách mạng tới đâu? Họ vẫn biết một xã hội mà người giàu đá dẫm người nghèo là một địa ngục, nhưng họ không tin rằng những kẻ kẹp tay thiên hạ vào “ê-tô” để vận có thể xây dựng được thiên đường trên mặt trái đất.

Để đánh tan luồng tư tưởng nguy hại này, cộng sản áp dụng hai biện pháp, một cho những người có học, và một cho dân chúng thiếu học:

- Ở mỗi tỉnh đều thành lập toà án quân sự để xử tội những “Việt gian” bị bắt trong vụ “Đấu chính trị”. Mục đích của cộng sản là để chứng minh cho dân chúng trông thấy rằng mặc dầu “quần chúng đã tự động”, nhưng sự thực quần chúng vẫn sáng suốt, vì trong số những người họ “tố”, quả thực có nhiều “Việt gian” lợi hại, làm tay sai đắc lực cho Pháp.
- Đảng tổ chức một chiến dịch cải tạo tư tưởng cho toàn thể đảng viên và cán bộ để giải thích cho họ hiểu là “phóng tay phát động quần chúng”, mặc dầu có nhiều sai lầm, nhưng tựu trung vẫn là một chính sách rất “hợp tình, hợp lý”. Vì hai biện pháp kể bao gồm trong “chiến thuật Mao Trạch Đông”, nên chúng tôi sẽ cố gắng trình bày cặn kẽ trong những chương sau.

Đi dân công tức là đi làm khuôn vác, đào sông, đắp đường, không khác đi làm “cỏ vè” ngày trước.